

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ
CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG
KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *01*./2023/BCTN-KOVALIXA

Kontum, ngày *20* tháng *4* năm 2023

BÁO CÁO

Thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KONTUM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6100102662
- Vốn điều lệ: 66.000.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 66.000.000.000 đồng (Sáu mươi sáu tỷ đồng)
- Địa chỉ: Thôn 2, Xã Kroong, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
- Số điện thoại: 0260.3861929
- Số fax: 0260.3861929
- Website: <http://kovalixa.net/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): NXT
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum tiền thân là Công ty Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng - doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 149/QĐ-UB ngày 17/9/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Năm 2005, Công ty Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum thực hiện cổ phần hóa, chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005 với số vốn điều lệ là 816,6

triệu đồng, tương ứng 81.660 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất các sản phẩm gốm sứ, vật liệu xây dựng.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty phát triển theo hướng trở thành một mô hình doanh nghiệp sản xuất gạch ngói đất sét nung: gạch ngói bằng công nghệ lò Tuynel hướng đến bảo vệ môi trường với quy mô đáp ứng nhu cầu thị trường trong và xung quanh địa bàn hoạt động.

Để đáp ứng vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như mở rộng quy mô doanh nghiệp, từ năm 2014 đến năm 2019, Công ty đã thực hiện thành công 2 đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, nâng vốn điều lệ từ 816,6 triệu đồng lên 33 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 26/8/2020, Công ty đã chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 5231/UBCK-GSĐC ngày 26/8/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 30/9/2020, Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 61/2020/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là NXT, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 3.300.000 cổ phiếu.

Ngày 14/09/2021, Công ty đã hoàn thiện và gửi tới Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội bộ hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (upcom).

Ngày 02/12/2021, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành quyết định số 662/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty. Ngày 9/12/2021, Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu đầu tiên trên Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCOM) theo thông báo số 3537/TB-SGDHN với mã chứng khoán là NXT và số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 3.300.000 cổ phiếu.

Ngày 26/8/2020, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, cấp thay đổi lần thứ 9 với số vốn điều lệ là 33 tỷ đồng.

Theo tinh thần Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được thông qua ngày 30/06/2021, Công ty đã thực hiện các thủ tục và nộp hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tăng vốn điều lệ theo phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngày 27/06/2022, Công ty được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 187/GCN-UBCK với nội dung chào bán thêm 3.300.000 cổ phiếu, tổng giá trị chào bán: 33.000.000.000 đồng.

Ngày 19/09/2022, Công ty nhận được văn bản của UBCKNN số 6255/UBCK-QLCB về nội dung Báo cáo kết quả chào bán ngày 16/09/2022, số lượng cổ phiếu Công ty phát hành là 3.300.000 cổ phiếu.

Ngày 05/10/2022, Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đăng ký thay đổi lần thứ 10 số 61/2020/GCNCP-VSD-1 với mã chứng khoán là NXT, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 6.600.000 cổ phiếu.

Ngày 19/10/2022, Công ty nhận được Quyết định về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội số 741/QĐ-SGDHN.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 10/10/2005, cấp thay đổi

lần thứ 10 ngày 30/09/2022 với số vốn điều lệ là 66 tỷ đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét <i>Chi tiết: Đá</i>	0810
2.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít <i>Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, ma tít, quét tương tự,</i>	2022
3.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392 (Chính)
4.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
5.	Sản xuất điện	3511
6.	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: - Hoạt động truyền tải điện (Trừ hoạt động truyền tải điện mạng lưới điện quốc gia) - Hoạt động phân phối điện</i>	3512
7.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán buôn sơn, véc ni</i>	4663
9.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh</i>	4752
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn</i>	5510
12.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động <i>Chi tiết: Nhà hàng</i>	5610
13.	Dịch vụ phục vụ đồ uống <i>Chi tiết: Quán cà phê, giải khát (mã ngành 56302)</i>	5630

14.	<p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p><i>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy bay, phương tiện bay không kèm người điều khiển; - Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu.</i></p>	7730
-----	--	------

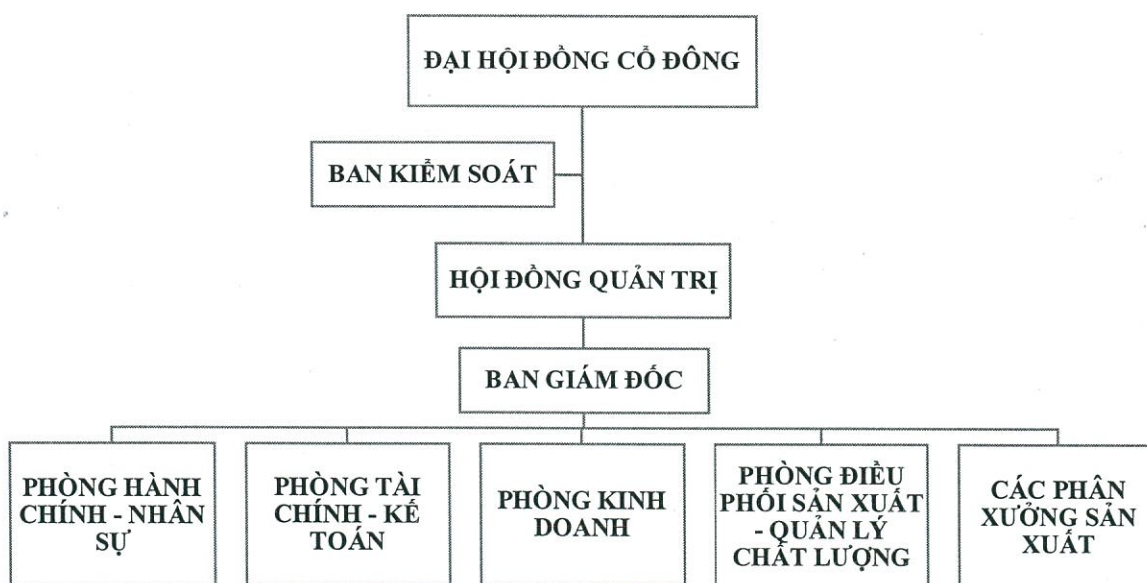
- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh chủ yếu của Công ty không giới hạn, tập trung tại tỉnh Kon Tum và các tỉnh thành lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty:

Công ty thiết lập cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum, tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



a. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Luật pháp liên quan quy định. Đại hội

đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Đại hội cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
- Các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b. Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 (năm) thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Hoàng Văn Công	Thành viên Hội đồng quản trị điều hành
3	Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên Hội đồng không điều hành
4	Bà Phan Thu Thủy	Thành viên Hội đồng không điều hành
5	Ông Lê Quang Thạch	Thành viên Hội đồng không điều hành

c. Ban Kiểm soát (BKS)

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm, thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tính chính xác, trung thực, hợp pháp về Báo cáo tài chính Công ty.

Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc và chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay có 03 (ba) thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Đào Thị Hằng Nga	Thành viên Ban Kiểm soát

d. Ban Giám đốc

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Ban Giám đốc của Công ty hiện nay gồm 01 (một) thành viên gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Hoàng Văn Công	Giám đốc

e. Các phòng ban

❖ **Phòng Hành chính - Nhân sự**

Phòng Hành chính - Nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, chiến lược của công ty;
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo;
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty;
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động;
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Giám đốc;
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện;
- Phục vụ các công tác hành chính để Ban Giám đốc thuận tiện trong chỉ đạo – điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;
- Tham mưu đề xuất cho Ban Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính - Nhân sự: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty;
- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa Ban Giám đốc và người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong Công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế Công ty.

❖ **Phòng Tài chính – Kế toán**

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán - Tín dụng của Công ty;
- Quản lý, kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính kế toán trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty;
- Chịu trách nhiệm lập và nộp các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, và các báo cáo liên quan đến lĩnh vực kế toán – tài chính cho Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan có liên quan: thuế, ngân hàng;
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty.

❖ **Phòng Kinh doanh**

Phòng Kinh doanh có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu giúp Ban Giám đốc Công ty trong công việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT về công tác định hướng kế hoạch kinh doanh cũng như định hướng khách hàng;
- Trực tiếp triển khai tổ chức các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch và mục tiêu đề ra;
- Tham mưu giúp Ban Giám đốc nắm bắt thông tin kịp thời về chiến lược phát triển kinh tế, xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn về sản xuất – kinh doanh của Công ty theo mục tiêu mà Nghị quyết của HĐQT đề ra;
- Nghiên cứu, phát triển thị trường;
- Thường xuyên nắm vững thông tin về thị trường. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất – kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty;
- Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận theo yêu cầu của Ban Giám đốc.

❖ **Phòng Điều phối sản xuất - Quản lý chất lượng**

Phòng Điều phối sản xuất - Quản lý chất lượng có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, phân tích và kế hoạch hóa các chỉ tiêu sản xuất và kinh doanh. Tham mưu cho Ban lãnh đạo công ty trong việc lập kế hoạch chiến lược kinh doanh và kế hoạch đầu tư hàng năm;
- Cân đối và điều tiết các nguồn lực của sản xuất để tổ chức thực hiện công tác kế hoạch sản xuất tối ưu;
- Tham vấn cho Ban giám đốc trong chỉ đạo các vấn đề chất lượng có liên quan tới mọi mặt hoạt động của Công ty;
- Tổ chức xây dựng, thực hiện, duy trì và cải tiến, đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả của các quá trình trong công ty phù hợp với tất cả các tiêu chuẩn chất lượng đề ra và các tiêu chuẩn khác theo yêu cầu của khách hàng.
- Tổ kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) kiểm tra và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra đúng như quy chuẩn, ngoài ra, thực hiện chức năng giám sát việc thực thi chính sách tại các đơn vị, bộ phận liên quan.

❖ **Các phân xưởng sản xuất**

Các phân xưởng sản xuất có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức thực hiện sản xuất theo kế hoạch sản xuất tháng và lệnh sản xuất hàng ngày do Giám đốc và Đốc công ban hành;

- Đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất; lệnh sản xuất, đạt mức chất lượng theo yêu cầu với chi phí thấp nhất;
- Quản lý và vận hành các nguồn lực được giao theo quy định của các bộ phận chuyên trách (nhân lực, máy, thiết bị, công nghệ, nguyên vật liệu sản xuất, định mức tiêu hao...);
- Đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề, tư cách đạo đức tác phong theo yêu cầu của Công ty;
- Đứng đầu mỗi phân xưởng là 01 Đốc công chịu trách nhiệm Quản lý và điều hành nhân lực, đây chuyên sản xuất của mình nhằm triển khai hoạt động sản xuất theo đúng kế hoạch.

f. Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không có.

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Cung cấp các sản phẩm chất lượng đảm bảo, giá cả hợp lý ra thị trường;
- Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các Quy định của Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của công ty;
- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài;
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp với yêu cầu về sản phẩm và chất lượng công trình.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Trong những năm tới, Công ty sẽ tăng cường đầu tư thiết bị máy móc, áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.
- Tăng cường công tác quảng cáo, tiếp thị, quảng bá hình ảnh Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Mở rộng thị phần mới, tăng cường quan hệ và chăm sóc khách hàng truyền thống của Công ty. Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, duy trì thường xuyên mối thông tin quan hệ để làm tốt công tác khách hàng đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.
- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, con người và môi trường.

- Duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh, hạn chế rủi ro, đảm bảo về yêu cầu an toàn lao động, cũng như quan tâm đúng mức về yếu tố bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên...

Phát triển nguồn nhân lực:

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.

- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Tuyên truyền định hướng cho toàn thể CBCNV công ty trong công tác bảo vệ môi trường chung. Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Bên cạnh hoạt động kinh doanh công ty tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, thường xuyên tham gia các chương trình ủng hộ, từ thiện, chương trình hiến máu tình nguyện, phòng chống dịch bệnh.

5. Các rủi ro:

Những biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Do đó, kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro được đề cập dưới đây:

a. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh. Hoạt động chính trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, những biến động của nền kinh tế và sự thay đổi của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ có tác động không nhỏ tới hoạt động của Công ty. Nhất là trong thời gian tới, Chính phủ có nhiều quy định mới đối với ngành sản xuất vật liệu xây dựng, điều này cũng phần nào tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kinh tế càng phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, sức mua gia tăng sẽ kéo theo nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà ở và trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều, qua đó đẩy mạnh nhu cầu trong lĩnh vực thi công công trình, đem lại cơ hội phát triển và thị phần tiêu thụ sản phẩm cho Công ty. Để khắc phục hạn chế và nắm bắt cơ hội Công ty cần có những kế hoạch định

hướng phát triển Công ty rõ ràng vào thời gian tới. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để Công ty dự báo các chiến lược phát triển cho từng thời kỳ nhất định. Trước bất kỳ thay đổi nào của nền kinh tế thế giới nói chung cũng như Việt Nam nói riêng, Ban Lãnh đạo luôn tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Công ty. Vì vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính của Công ty.

b. Rủi ro lạm phát

Đối với doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua chi phí đầu vào như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công. Bên cạnh đó, lạm phát cao có thể ảnh hưởng làm thu nhỏ thị trường bất động sản, thu hẹp ngành xây dựng và kéo theo hệ lụy sụt giảm của các ngành phụ trợ. Để giảm thiểu ảnh hưởng của lạm phát đến hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động tăng cường các hoạt động kiểm soát định mức chi phí và quản lý biến động giá cả đầu vào nhằm giảm thiểu tối đa các rủi ro có thể phát sinh do ảnh hưởng của lạm phát.

c. Rủi ro về lãi suất

CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum chịu rủi ro phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty. Điều đó đòi hỏi Công ty phải theo dõi sát sao thị trường để có các phương án giải quyết phù hợp. Cụ thể, để giải quyết vấn đề rủi ro lãi suất tồn tại, Công ty đã quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

d. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của công ty. Mặc dù các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và của ngành vật liệu xây dựng nói riêng đã và đang trong quá trình hoàn thiện, bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy hoạch phát triển ngành, các hiệp định thương mại với các nước và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Luật Doanh nghiệp năm 2020 có nhiều tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu các thủ tục hành chính và nâng cao hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

Là một công ty đại chúng, ngoài sự tác động và chi phối chính của Luật Doanh nghiệp, CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của

Công ty. Tuy nhiên, rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra do hoạt động kinh doanh của Công ty đang có xu hướng xuất khẩu với nhiều khách hàng và các nhà cung cấp từ nước ngoài, Công ty cũng cần tuân thủ nghiêm ngặt theo các tập quán, luật pháp quốc tế và các quy định của các hiệp hội hoặc tổ chức chuyên môn trong ngành sợi về chính sách bán hàng, chính sách quản lý chất lượng hay chính sách về nhân công lao động và bảo vệ môi trường.

Để có sự thích nghi tốt nhất với những thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam và làm quen với các quy định của quốc tế, CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh các chính sách và điều luật mới thông qua các công ty tư vấn pháp luật hoặc các khóa đào tạo cập nhật kiến thức luật pháp cho nhân viên.

e. Rủi ro đặc thù ngành

Định hướng của Công ty là phát triển hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng. Ngoài ra, Công ty còn hoạt động trong lĩnh vực xây lắp công trình. Các lĩnh vực hoạt động này đều có những rủi ro đặc thù riêng mà không phải ngành nào cũng có.

- Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh vật liệu xây dựng: Một số rủi ro đặc thù ngành kinh doanh vật liệu xây dựng được Công ty xác định như: rủi ro thanh toán, rủi ro từ thị trường cạnh tranh, rủi ro về giá nguyên vật liệu, rủi ro xã hội, rủi ro môi trường ảnh hưởng tới nguồn cung ứng nguyên liệu và công cụ đầu vào, đầu ra.

+ Rủi ro thanh toán: Đây là rủi ro đặc thù của ngành kinh doanh vật liệu xây dựng. Hiện tại, khách hàng chính của Công ty trong hoạt động này là các cửa hàng đại lý cấp 1 thực hiện phân phối. Trong bối cảnh lĩnh vực bất động sản, xây dựng tiềm ẩn nhiều rủi ro như dự án thay đổi chủ đầu tư, chủ đầu tư chuyển đổi mục đích dự án, dự án thiếu hụt vốn... Công ty có thể chịu tác động dây chuyền, gặp rủi ro chậm trễ thanh toán công nợ.

+ Rủi ro cạnh tranh: Ngành vật liệu xây dựng là ngành có tiềm năng phát triển rất lớn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Cùng với xu hướng mở cửa nên đối thủ cạnh tranh của Công ty không chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà còn cả các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh. Vì vậy, để duy trì được năng lực cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, chiến lược của Công ty là cung cấp sản phẩm chất lượng tốt nhất với mức giá cạnh tranh và dịch vụ hậu mãi tốt. Công ty đã áp dụng quy trình sản xuất công nghệ hiện đại, đào tạo đội ngũ lao động lành nghề và áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ chất lượng cũng như chi phí.

f. Rủi ro từ nguyên vật liệu

Do đặc thù cơ cấu chi phí của ngành sản xuất vật liệu xây dựng, các chi phí nhiên liệu như than, dầu, điện ... thường chiếm 20-25% trong tổng cơ cấu chi phí. Cụ thể, than chiếm khoảng 22% trong cơ cấu chi phí nên giá than sẽ tác động không nhỏ đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Dầu chiếm khoảng 3% tổng chi phí sản xuất của Công ty, do đó Công ty cũng bị ảnh hưởng phần nào từ sự biến động của giá dầu trên thế giới. Điện chiếm 10% chi phí sản xuất và gần đây giá điện cũng đã tăng. Đất sét là nguyên vật liệu chính, chiếm đến 26% trong tổng chi phí. Việc khai thác

đất sét phụ thuộc vào chi phí vận tải và đặc biệt là chi phí thuế tài nguyên. Do ảnh hưởng của lạm phát, nhiều loại nguyên vật liệu đầu vào của Công ty gặp khả năng biến động giá cao như: sắt, thép, xi măng, vật liệu xây dựng khác... Để hạn chế những rủi ro về giá nguyên vật liệu Công ty thường xuyên kiểm tra số lượng nguyên vật liệu đầu vào của Công ty và chủ động tìm kiếm mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào. Các nhà cung cấp của Công ty đều là các đơn vị cung cấp đất sét, than... uy tín trên thị trường, đảm bảo nguồn nguyên liệu cả về chất lượng lẫn số lượng.

g. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty, cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban Kiểm soát; thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

h. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, dịch Covid đang gây ra những hậu quả nặng nề cho toàn nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Để giảm thiểu những rủi ro này, CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên thực hiện các biện pháp phòng chống dịch, kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty để giảm thiểu và phòng ngừa những tổn thất lớn có thể xảy ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, cơ cấu doanh thu của công ty chủ yếu vẫn nằm ở hoạt động sản xuất kinh doanh gạch xây dựng.

Chỉ tiêu	2021	2022	Tăng giảm (%)
Doanh thu (tỷ đồng)	70.691.318.128	108.127.623.984	152.95%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	6.841.949.733	2.135.584.233	31.21%
Cổ tức (%)	0	0	0

Tổng doanh thu trong năm 2022 đã có sự tăng trưởng vượt bậc 152.95% so với năm 2021, vượt kế hoạch đề ra. Đồng thời chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế đạt 2.1 tỷ đồng, chiếm 31.21% so với kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Ban Giám đốc

- Ông Hoàng Văn Công - Giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: [REDACTED]
- Nơi sinh: Xã Mộc Bắc, Huyện Duy Tiên, Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Gia Lai
- CMND/CCCD số: [REDACTED] do [REDACTED] cấp ngày [REDACTED]
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Kỹ Sư cơ khí

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 – 2006	Công ty Cổ phần Vật liệu và xây lắp Gia Lai	Nhân viên kỹ thuật
2006 – 3/2013	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây lắp Gia Lai	Cán bộ Kỹ thuật
4/2013 – 8/2014	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Quản đốc phân xưởng về kỹ thuật
2014 – nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Thành viên HĐQT
9/2014 – 6/2019; 8/2020 - nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum	Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 2.000 cổ phiếu tương đương 0,03% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ;

- + Cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty: không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.

b) Kế toán trưởng

- **Ông Nguyễn Quang Huy – Kế toán trưởng**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: [REDACTED]
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Xã Đào Viên, Quê Võ, Bắc Ninh
- CMND/CCCD: số [REDACTED] do [REDACTED], cấp ngày: [REDACTED]
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân tài chính – ngân hàng
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng
 - + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Người đại diện theo pháp luật tại Công ty TNHH Tư vấn tài chính và kiểm toán AFC Việt Nam, mã số doanh nghiệp 0107940535
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: cổ phiếu trong đương 1.22% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ;
 - + Cá nhân sở hữu: 80.600 cổ phiếu, chiếm 1.22% vốn điều lệ.
- Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu tại Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không.

c) Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2022:

Tháng 2/2022, Công ty đã ký ban hành Quyết định số 15/2022/QĐ-KOVALIXA về việc bổ nhiệm kế toán trưởng ông Nguyễn Quang Huy, miễn nhiệm 01 kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Việt Giáp kể từ ngày 21/02/2022.

d) Số lượng CBCNV và chính sách lao động:

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum có cơ cấu lao động như sau:

Đơn vị: người

Tiêu chí	Năm 2021	Năm 2022	Bình quân năm 2021 và 2022
I. Phân theo trình độ lao động	20	20	20
- Trên đại học	03	03	03
- Đại học, cao đẳng	05	05	05
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	10	10	10
- Phổ thông trung học	02	02	02
II. Phân theo hợp đồng lao động	20	20	20
- Dài hạn	12	12	12
- Ngắn hạn	08	08	08

(Nguồn: CTCP Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng Kontum)

*** Chính sách đối với người lao động**

- Chính sách chung:

Công ty luôn xác định nhân lực là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác cùng đồng nghiệp.

Lực lượng lao động mới được tiếp nhận theo một quy trình chặt chẽ và có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín, đồng thời Công ty cũng có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên. Ngoài ra, Công ty đã sử dụng một cách có hiệu quả Quỹ phúc lợi phục vụ cho các hoạt động thăm hỏi động viên, nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi và tăng cường văn hoá doanh nghiệp.

- Chế độ làm việc:

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày đối với bộ phận hành chính và đối với lái xe làm việc không quá 4 tiếng liên tục và không quá 10 tiếng/ngày. Đối với công nhân lao động chế độ làm việc 8 tiếng/ ngày mỗi ngày phân theo các tổ và lao động theo từng ca trong ngày. Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ thai sản Công ty luôn đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến việc tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng được hệ thống văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát, đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cán bộ công nhân viên làm việc hiệu quả. Các lao động trực tiếp đều được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ, vệ sinh lao động, được tập huấn đào tạo tay nghề thường xuyên đảm bảo chất lượng tốt nhất.

- Chính sách tuyển dụng

Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đối lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

- Chính sách đào tạo

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý, xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động. Bên cạnh đó, Công ty có xây dựng một quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc.

- Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa theo trình độ, cấp bậc, thâm niên của từng người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người. Khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên hăng say lao động, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật. Công đoàn Công ty được giao nhiệm vụ chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, công nhân viên như khám sức khỏe định kỳ, phát động phong trào thể thao, du lịch hàng năm, văn nghệ nhằm tạo sự đoàn kết trong toàn thể cán bộ nhân viên.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty hiện tiếp tục thúc đẩy và hoàn thành các dự án, hợp đồng trong năm 2022 cũng như các hợp đồng thương mại cung cấp gạch xây cho tỉnh Kontum và các tỉnh lân cận.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	92.721.331.937	126.709.476.422	36.66%
	- Tài sản ngắn hạn	39.545.677.520	55.032.174.812	39.16%
	- Tài sản dài hạn	53.175.654.417	71.677.301.610	34.8%
2	Doanh thu thuần	70.691.318.128	108.127.623.984	52.96%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.112.944.063	2.616.345.088	-71.29%
4	Lợi nhuận khác	(448.405.484)	153.997.969	- 65.66%
5	Lợi nhuận trước thuế	8.664.538.579	2.770.343.057	- 68.03%
6	Lợi nhuận sau thuế	6.841.949.733	2.135.584.233	- 68.79%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,23	1,61	
	- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,13	0,44	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,48	0,35	
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,93	0,52	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	1,65	2,56	
	- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	7,62	8,53	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	0,09	0,02	
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,14	0,19	
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,07	0,01	
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,12	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu xây dựng Kontum.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số cổ phần: 6.600.000 cổ phần (Sáu triệu sáu trăm nghìn cổ phần)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.280.913 cổ phần (Sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn chín trăm mười ba cổ phần)
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 319.087 cổ phần (Ba trăm mười chín nghìn không trăm tám mươi bảy cổ phần)

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ thực góp (%)
I	Trong nước	173	6.594.000	99.1%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	173	6.594.000	99.1%
II	Cổ đông nước ngoài	1	6000	0.09%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	1	6000	0.09%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		174	6.600.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Thời gian	Giá trị vốn tăng/ giảm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/ giảm (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
0	10/10/2005	816.600.000	816.600.000	Góp vốn		
1	20/8/2014	816.600.000	1.959.840.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum	Không có

	26/12/2016	1.959.840.000	30.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum	Không có
3	08/07/2019	30.000.000.000	33.000.000.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum	Không có
4	Tháng 10/2022	66.000.000.000	66.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum	Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của quá trình sản xuất gạch đến môi trường, công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm cải tiến kỹ thuật trong quá trình sản xuất, nhằm giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường. Đồng thời gia tăng khả năng xử lý chất thải trong quá trình sản xuất gạch để giảm việc phát sinh chất thải ra môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Trong cơ cấu giá thành một viên gạch, chi phí nguyên vật liệu chính chiếm khoảng 40%. Trong đó, đất sét và than là hai nguyên liệu tối quan trọng, lần lượt chiếm khoảng 22% và 15% giá thành, còn lại 3% là dầu diesel.

Nguyên liệu đất sét: Loại đất có đặc tính dẻo, mịn, giảm trọng lượng khi nung và phơi, sau khi nung sẽ đổi màu, đông cứng và kết dính. Đất sét là nguyên liệu chính cấu thành sản phẩm gạch. Trữ lượng mỏ cộng với chất lượng của đất sét chính là những yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng sản phẩm sản xuất ra.

Công ty thực hiện mua đất sét tại các địa điểm ngay gần lò sản xuất gạch. Lợi thế này giúp Công ty chủ động được nguồn đất sét đầu vào để sản xuất sản phẩm, từ đó có nhiều lợi thế cạnh tranh cũng như hạn chế được những rủi ro liên quan đến yếu tố đầu vào.

Than: Hai loại than chính sử dụng trong quy trình sản xuất gạch Tuynel của Công ty là than pha và than đốt. Để tiết kiệm chi phí vận chuyển cũng như đảm bảo tính đồng nhất về chất lượng

của than trong quá trình nung – đốt, nên mỗi lần nhập kho nguyên liệu này, Công ty nhập nguyên tàu chở than với trọng tải lớn, đủ để một nhà máy sản xuất trong 1 – 2 tháng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng trong sản xuất tại các nhà máy là khoảng 3% đến 5%

- Các nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất đều được Công ty khoán định mức nhằm giảm hao hụt lãng phí.

- Việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến không những nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn tiết kiệm đáng kể nhiên liệu cho Công ty.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Năm 2022, Việc tiêu thụ xăng dầu chủ yếu đến từ nhu cầu sử dụng các xe tải vận chuyển hàng hóa, các xe máy chuyên dụng dùng trong sản xuất, các phương tiện đi lại công tác trong vùng, định kỳ ghé thăm các đại lý bán hàng,...

Doanh nghiệp không có biến động lớn về sử dụng điện năng do hoạt động đều và ổn định. Các mức giá có thể tăng giảm theo giá điện tại thời điểm hiện hành.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Công ty đã xây dựng và cập nhật các định mức tiêu thụ năng lượng như dầu, điện trong sản xuất kinh doanh theo chính sách sử dụng hiệu quả tiết kiệm, nhờ đó tổng năng lượng tiêu hao giảm đáng kể. Các chính sách tiết kiệm năng lượng Công ty đang áp dụng:

- Định kỳ kiểm tra bảo dưỡng máy móc trong hao tổn điện năng, nhiên liệu.
- Tắt cả các thiết bị điện khi không sử dụng.
- Thay thế các thiết bị chiếu sáng thông thường bằng hệ thống tiết kiệm như bóng đèn compact, đèn LED...
- Phát triển kinh tế trang trại kết hợp với điện mặt trời áp mái.

6.4. Tiêu thụ nước:

Nguồn nước công ty đang sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh một phần đến từ nguồn nước sạch của các công ty cấp thoát nước địa phương và một phần đến từ hệ thống giếng khoan do công ty tự đầu tư. Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện kiểm tra, duy tu bảo dưỡng, vệ sinh thường xuyên hệ thống cung cấp nước nội bộ nhằm đảm bảo tránh lãng phí, dễ sửa chữa khắc phục khi có sự cố xảy ra.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: 20 người, mức lương trung bình đối với người lao động là: 7.500.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật hiện hành, việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định, thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 12 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập, phát triển kỹ năng chăm sóc khách hàng; đào tạo công tác văn thư – lưu trữ, học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; tập huấn về văn bản pháp luật mới của Nhà nước.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Là một doanh nghiệp cũng như một phần của xã hội, công ty luôn nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình đối với vấn đề bảo vệ môi trường. Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường cũng như không ngừng phát triển và tạo công ăn việc làm và giúp cải thiện đời sống của người dân địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trải qua một năm sau hậu đại dịch Covid-19, tuy nhiên công ty vẫn đối phó với khó khăn một cách hiệu quả, đáng nổi bật là doanh thu của Công ty tăng mạnh hơn 152,95% cho thấy Công ty đã đem về được nhiều hợp đồng, dự án xây dựng mới.

Công ty tiếp tục tiết giảm các chi phí có thể, ưu tiên tập trung cho hoạt động kinh doanh đồng thời đảm bảo an sinh xã hội để ổn định đời sống, phấn đấu hoàn thiện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a) *Tình hình tài sản*

- Tổng tài sản của Công ty đầu năm 2022 là: **92.721.331.937 đồng.**

- Tổng tài sản Công ty tại thời điểm cuối năm 2022 là: **126.709.476.422 đồng**

- Tại thời điểm cuối năm 2022, tổng tài sản của Công ty tăng lên **33.988.144.485 đồng**, tỉ lệ tăng **36,66%**.

b) *Tình hình nợ phải trả*

Bảng 1: Các khoản phải thu

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.998.140.441	13.379.326.846
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	911.089.943	12.208.212.203
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.078.681.605	1.105.495.928
Phải thu ngắn hạn khác	8.368.893	65.618.715

Bảng 2: Các khoản phải trả

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022
Nợ ngắn hạn	32.136.942.650	34.087.502.902
Phải trả người bán ngắn hạn	14.999.258.691	6.577.243.495
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.165.926.000	14.201.117.720
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.108.322.570	2.521.416.274
Phải trả người lao động	252.890.500	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	109.852.092	119.797.413
Phải trả ngắn hạn khác	753.480.000	13.440.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.747.212.797	10.654.488.000
Nợ dài hạn	12.565.634.019	9.467.634.019
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.565.634.019	9.467.634.019
Tổng	44.702.576.669	43.555.136.921

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ban Giám đốc kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy chế làm việc trong công ty chưa hợp lý để phù hợp với hoạt động của công ty cũng như việc thực hiện dưới từng bộ phận kinh doanh.

- Trong năm, công ty ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiện ích của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát, đảm bảo việc phân công nhiệm vụ công việc có hiệu quả, tránh thất thoát tài sản của công ty.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy hoạt động tài chính, quản lý dòng tiền, thu hồi công nợ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, ký kết các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu đầu vào và các dự án xây dựng để đảm bảo đầu ra cho sản phẩm, nắm bắt cơ hội khi nền kinh tế đang dần phục hồi sau đại dịch Covid-19.

- Hội đồng quản trị sẽ kết hợp với Ban điều hành trong việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty năm 2023, đó là: Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy và nhận sự theo định hướng chuyên nghiệp và hiện đại; Mở rộng các ngành nghề kinh doanh khác; Khơi thông các kênh huy động vốn để đáp ứng nhu cầu đầu tư, kinh doanh của Công ty; Kiểm soát tốt chi phí nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư kinh doanh và hiệu quả tài chính; Quan tâm chăm lo và đảm bảo quyền lợi thỏa đáng của cổ đông và người lao động.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì công tác vệ sinh môi trường, bảo vệ nguồn nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và các phong trào của địa phương, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã bám sát các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao phó, quyết liệt và linh hoạt chỉ đạo điều hành theo diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng mọi

hoạt động của Công ty theo sát các mục tiêu chiến lược, nỗ lực hoàn thành tốt nhất kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt chức năng giám sát và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban Giám đốc công ty thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Đánh giá việc thực hiện các trách nhiệm với môi trường và xã hội:

- + Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên.
- + Đưa ra các chính sách quản lý và bảo vệ môi trường.
- + Đảm bảo hệ thống xử lý chất thải tốt, tích cực trồng cây xanh xung quanh khu vực làm việc.
- + Đồng hành, chia sẻ và đóng góp với chính quyền địa phương trong việc giải quyết các vấn đề chung.
- + Cung cấp các sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để đóng góp ý kiến với Ban Giám đốc nhằm không ngừng nâng cao năng lực quản trị của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã thảo luận và thông qua các vấn đề thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và triển khai các quý tiếp theo để Ban Giám đốc có cơ sở tổ chức thực hiện.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ; chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong quá trình điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hay sự phân cấp từ Hội đồng quản trị.

- Tiếp tục củng cố công tác quản trị tài chính, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy trình tài chính kế toán để đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và theo chuẩn thông lệ quốc tế. Giám sát việc luân chuyển vốn, quản lý dòng tiền hiệu quả. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân các dự án.

- Tiếp tục cơ cấu lại tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, cải tiến quy chế khoán đối với các đơn vị nhằm tăng sự tự chủ đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi đơn vị.

- Tăng cường công tác quản trị nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng. Tiếp tục hoàn thiện khung đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, người lao động, gắn với kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng quản lý.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Ngày không còn là thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT	02/07/2019		5.5%
2	Ông Hoàng Văn Công	Thành viên HĐQT	02/07/2019		0,03%
3	Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên HĐQT	02/07/2019		0%
4	Bà Phan Thu Thủy	Thành viên HĐQT	22/04/2022		0%
5	Ông Lê Quang Thạch	Thành viên HĐQT	02/07/2019		0,003%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

- Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị công ty.

- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

STT	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ thông qua
1	Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và một số vấn đề liên quan	100%
2	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
3	Về việc Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%

4	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh Quý I/2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II/2022	100%
5	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu	100%
6	Về việc thông qua xử lý cổ phiếu không đăng ký mua, không nộp tiền mua cả đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2022 của Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum	100%
7	Về việc thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng Kon Tum	100%
8	Tổng kết hoạt động quý VI/2022 và phương hướng hoạt động Quý I/2023	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Hội đồng quản trị có 02 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập gồm: Ông Nguyễn Tuấn Linh và Bà Phan Thu Thủy. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đều có năng lực chuyên môn và có kinh nghiệm trong các lĩnh vực kinh doanh chính của công ty nên có những đóng góp quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng quản trị. Trong năm 2022, các Thành viên Hội đồng quản trị độc lập hầu hết đều tham gia đầy đủ vào các quyết định, vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để đảm bảo tính minh bạch, kiểm soát được xung đột lợi ích, bảo vệ được lợi ích của Công ty và cổ đông.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty không có các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng BKS	02/07/2019		0,03%
2	Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên BKS	22/04/2022		0%
3	Đào Thị Hằng Nga	Thành viên BKS	02/07/2019		0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành công ty.
- Tổ chức họp định kỳ và họp đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên Ban kiểm soát cũng như với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của công ty là phù hợp, đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo đúng chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận.

STT	Nội dung cuộc họp	Tỷ lệ thông qua
1	Báo cáo tình hình hoạt động của BKS 3 tháng đầu năm 2022	100%
2	Báo cáo tình hình hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2022	100%
3	Báo cáo tình hình hoạt động của BKS 9 tháng đầu năm 2022	100%
4	Báo cáo tình hình hoạt động của BKS năm 2022	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tổng thù lao đã trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, ban kiểm soát của Công ty phát sinh trong năm 2022 là: 66.000.000 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Trong năm 2022 người nội bộ của công ty thực hiện các giao dịch cổ phiếu, cụ thể như sau:

1. Người thực hiện giao dịch: Phạm Văn Lộc, Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ: 330.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10%

- Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 363.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,5%

- Lý do tăng/ giảm: Thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu theo phương án phát hành cổ phiếu của NXT.

2. Người thực hiện giao dịch: Hoàng Văn Công, Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

- Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ: 1.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,03%

- Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 2.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,03%

- Lý do tăng/ giảm: Thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu theo phương án phát hành cổ phiếu của NXT

3. Người thực hiện giao dịch: Lê Quang Thạch, Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng: Thành viên Hội đồng quản trị.

- Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ: 100 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,003%

- Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 200 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,003%

- Lý do tăng/ giảm: Thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu theo phương án phát hành cổ phiếu của NXT

4. Người thực hiện giao dịch: Nguyễn Thị Thúy Nga, Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng: Trưởng Ban kiểm soát

- Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ: 1.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,03%

- Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 2.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,03%

- Lý do tăng/ giảm: Thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu theo phương án phát hành cổ phiếu của NXT

5. Người thực hiện giao dịch: Nguyễn Quang Huy, Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng: Kế toán trưởng

- Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ: 40.300 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,22%

- Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ: 80.600 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,22%

- Lý do tăng/ giảm: Thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu theo phương án phát hành cổ phiếu của NXT

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Trong năm 2022, hoạt động của HĐQT đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty và phù hợp với quy định hoạt động của Công ty đại chúng, Điều lệ và các quy định pháp luật khác có liên quan, thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty. Tuy nhiên, Công ty phải nghiên cứu những thay đổi của pháp luật để đảm bảo việc thực hiện công bố thông tin đối với Công ty đại chúng, tránh việc công bố thông tin không kịp thời khiến ảnh hưởng đến lợi ích của các cổ đông.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng Vật liệu Xây dựng

Kon Tum tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Đã được Công bố thông tin trên trang chủ của Công ty theo đường dẫn: <http://koyalixa.net/>, mục “Quan hệ cổ đông – Thông tin tài chính”

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Lưu: VT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HOÀNG VĂN CÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp vật liệu xây dựng KonTum là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh KonTum cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 10 là ngày 30 tháng 09 năm 2022.

Trụ sở chính: Thôn 2, xã Kroong, TP KonTum, tỉnh KonTum

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 66.000.000.000 VND (Sáu mươi sáu tỷ đồng).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT	
Bà Phan Thu Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2022
Ông Hoàng Văn Công	Thành viên	
Ông Dương Công Phú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2022
Ông Lê Quang Thạch	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Linh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Công Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2022
Ông Nguyễn Văn Nhu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2022
Bà Đào Thị Hằng Nga	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Địa chỉ: Thôn 2, xã Kroong, Tp. KonTum, Tỉnh KonTum

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Kon Tum, ngày 30 tháng 03 năm 2023

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Hoàng Văn Công



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 234 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum*

Kính gửi:

Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung cấp Vật liệu Xây dựng Kon Tum tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Trần Tuấn Ninh

Nguyễn Hà Phương

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 3964 -2022 -133 -1*

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
số 4033-2023-133-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		55.032.174.812	39.545.677.520
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	761.074.802	1.056.701.786
111	1. Tiền		761.074.802	1.056.701.786
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		291.255.828	260.661.514
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.b	291.255.828	260.661.514
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.379.326.846	1.998.140.441
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.a	12.208.212.203	911.089.943
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.a	1.105.495.928	1.078.681.605
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7.a	65.618.715	8.368.893
140	IV. Hàng tồn kho	8	40.116.486.130	35.432.864.563
141	1. Hàng tồn kho		40.116.486.130	35.432.864.563
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		484.031.206	797.309.216
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		436.466.190	690.609.700
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	47.565.016	106.699.516
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		71.677.301.610	53.175.654.417
220	II. Tài sản cố định		50.777.301.610	53.086.560.814
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	50.777.301.610	53.086.560.814
222	- Nguyên giá		61.942.321.944	61.942.321.944
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11.165.020.334)	(8.855.761.130)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4.a	20.900.000.000	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		20.900.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	89.093.603
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9.b	-	89.093.603
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		126.709.476.422	92.721.331.937

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		43.555.136.921	44.702.576.669
310	I. Nợ ngắn hạn		34.087.502.902	32.136.942.650
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.a	6.577.243.495	14.999.258.691
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.a	14.201.117.720	4.165.926.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.521.416.274	2.108.322.570
314	4. Phải trả người lao động		-	252.890.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13.a	119.797.413	109.852.092
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14.a	13.440.000	753.480.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15.a	10.654.488.000	9.747.212.797
330	II. Nợ dài hạn		9.467.634.019	12.565.634.019
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15.b	9.467.634.019	12.565.634.019
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		83.154.339.501	48.018.755.268
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	83.154.339.501	48.018.755.268
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		66.000.000.000	33.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		66.000.000.000	33.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.154.339.501	15.018.755.268
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		15.018.755.268	8.246.386.649
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.135.584.233	6.772.368.619
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		126.709.476.422	92.721.331.937

Người lập biểu



Nguyễn Quang Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Kon Tum, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Hoàng Văn Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	108.127.623.984	70.691.318.128
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		108.127.623.984	70.691.318.128
11	4. Giá vốn hàng bán	19	102.773.947.159	58.707.268.387
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		5.353.676.825	11.984.049.741
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	41.007.743	318.188.106
22	7. Chi phí tài chính	21	1.976.331.617	2.381.336.433
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.976.331.617	2.381.336.433
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	802.007.863	807.957.351
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		2.616.345.088	9.112.944.063
31	11. Thu nhập khác	23	223.633.114	167
32	12. Chi phí khác	24	69.635.145	448.405.651
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		153.997.969	(448.405.484)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		2.770.343.057	8.664.538.579
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	634.758.824	1.822.588.846
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		2.135.584.233	6.841.949.733
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	495,98	2.073,32

Người lập biểu



Nguyễn Quang Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Kon Tum, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Hoàng Văn Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Phương pháp gián tiếp
Năm 2022

Đơn vị tính: VND
Năm nay Năm trước

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	2.770.343.057	8.664.538.579
	2. Điều chỉnh cho các khoản	4.244.583.078	4.536.540.675
02	- Khấu hao tài sản cố định	2.309.259.204	2.473.392.348
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(41.007.743)	(318.188.106)
06	- Chi phí lãi vay	1.976.331.617	2.381.336.433
07	- Các khoản điều chỉnh khác		
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	7.014.926.135	13.201.079.254
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(11.076.593.887)	41.193.040.102
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	(4.683.621.567)	(21.415.638.668)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	1.370.246.024	(29.097.487.308)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	89.093.603	212.544.714
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh		
14	- Tiền lãi vay đã trả	(1.966.386.296)	(2.383.489.858)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(221.665.120)	(84.893.004)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(9.474.001.108)	1.625.155.232
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(20.900.000.000)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	19.098.921	318.188.106
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(20.880.901.079)	2.818.188.106
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	33.000.000.000	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	15.663.660.360	19.539.647.308
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(18.604.385.157)	(23.598.058.741)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30.059.275.203	(4.058.411.433)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(295.626.984)	384.931.905
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.056.701.786	671.769.881
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	761.074.802	1.056.701.786

Kon Tum, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

Nguyễn Quang Huy

Hoàng Văn Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng KonTum là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6100102662, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh KonTum cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 10 là ngày 30 tháng 09 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 66.000.000.000 VND (Sáu mươi sáu tỷ đồng chẵn).

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Thôn 2, xã Kroong, TP KonTum, tỉnh KonTum

Số nhân viên: 20 người.

Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và cung cấp vật liệu xây dựng

Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY
DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	148.079.592	469.240.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	612.995.210	587.461.618
- Tiền gửi VND	612.995.210	587.461.618
Cộng	761.074.802	1.056.701.786

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(Phụ lục 01)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	12.208.212.203	911.089.943
- Công ty CP CRC SOLAR CELL	1.721.332.920	-
- Công ty CP Công nghệ EMP	-	839.218.183
- Công ty CP XNK Nông Sản GHT	9.999.217.865	-
- Các đối tượng khác	487.661.418	71.871.760
Cộng	12.208.212.203	911.089.943

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	1.105.495.928	1.078.681.605
- Công ty CP Công nghệ EMP	561.440.000	561.440.000
- Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Kiến trúc Ý Tường	124.500.000	290.200.000
- Các đối tượng khác	419.555.928	227.041.605
Cộng	1.105.495.928	1.078.681.605

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	65.618.715	-	8.368.893	-
Tạm ứng	8.368.893	-	8.368.893	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	31.453.000	-	-	-
Phải thu khác	25.796.822	-	-	-
Cộng	65.618.715	-	8.368.893	-

Trong đó, số dư với bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng			
Ông Lê Quang Thạch	Thành viên HĐQT	136.893	136.893

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.373.870.843		5.149.069.214	-
Công cụ, dụng cụ	93.761.207		93.761.207	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.176.740		80.087.631	
Thành phẩm	5.654.357.837		3.184.280.503	
Hàng hoá	27.959.319.503		26.925.666.008	
Cộng	40.116.486.130	-	35.432.864.563	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	89.093.603
Cộng	-	89.093.603

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	32.209.805.887	29.732.516.057	-	61.942.321.944
- Phân loại lại				-
- Thanh lý, nhượng bán				-
Số cuối năm	32.209.805.887	29.732.516.057	-	61.942.321.944
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.095.449.717	5.760.311.413	-	8.855.761.130
- Khấu hao trong năm	835.168.897	1.474.090.307	-	2.309.259.204
- Phân loại lại				-
- Thanh lý nhượng bán				-
Số cuối năm	3.930.618.614	7.234.401.720	-	11.165.020.334
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	29.114.356.170	23.972.204.644	-	53.086.560.814
Tại ngày cuối năm	28.279.187.273	22.498.114.337	-	50.777.301.610

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 50.777.301.610 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 243.510.038 VND

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	6.577.243.495	6.577.243.495	14.999.258.691	14.999.258.691
- Công ty CP Công nghệ CRC	6.360.370.640	6.360.370.640	-	-
- Công ty CP CRC SOLAR CELL	-	-	1.701.000.000	1.701.000.000
- Công ty CP DT XD và DV Nam Sông Hồng	-	-	1.605.016.500	1.605.016.500
- Công ty TNHH PLD Kim Khí	-	-	2.009.097.085	2.009.097.085
- Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	-	-	3.422.211.181	3.422.211.181
- Công ty CP Đầu tư PLD	-	-	6.137.018.780	6.137.018.780
- Các đối tượng khác	216.872.855	216.872.855	124.915.145	124.915.145
b. Dài hạn				
Cộng	6.577.243.495	6.577.243.495	14.999.258.691	14.999.258.691

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Số cuối năm

Số đầu năm

a. Ngắn hạn

VND

VND

	14.201.117.720	4.165.926.000
- Công ty CP Công nghệ EMP	2.039.292.720	-
- Công ty TNHH Điện NLMT Tân Phú	898.500.000	898.500.000
- Công ty CP Nhật Nguyên Xanh Solar	7.500.000.000	-
- Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	1.514.000.000	300.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	-	1.241.051.000
- Công ty CP VinaSolar Đồng Tháp	-	900.000.000
- Ông Phạm Hưng Duy	-	480.000.000
- Các đối tượng khác	2.249.325.000	346.375.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	14.201.117.720	4.165.926.000

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Số cuối năm

Số đầu năm

a. Ngắn hạn

VND

VND

	119.797.413	109.852.092
- Lãi vay phải trả	119.797.413	109.852.092
Cộng	119.797.413	109.852.092

14. PHẢI TRẢ KHÁC

Số cuối năm

Số đầu năm

a. Ngắn hạn

VND

VND

	13.440.000	753.480.000
Kinh phí công đoàn	8.160.000	3.480.000
Bảo hiểm xã hội	5.280.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	750.000.000
Cộng	13.440.000	753.480.000

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	10.654.488.000	10.654.488.000	15.663.660.360	14.756.385.157	9.747.212.797	9.747.212.797
- Vay ngân hàng	5.906.488.000	5.906.488.000	11.815.660.360	11.908.385.157	5.999.212.797	5.999.212.797
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (1)	5.906.488.000	5.906.488.000	11 815 660 360	11 908 385 157	5.999.212.797	5.999.212.797
- Nợ dài hạn đến hạn trả	4.748.000.000	4.748.000.000	3.848.000.000	2.848.000.000	3.748.000.000	3.748.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (2)	3.800.000.000	3.800.000.000	2 900 000 000	1.900.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (3)	948.000.000	948.000.000	948.000.000	948.000.000	948.000.000	948.000.000
b. Vay dài hạn	9.467.634.019	9.467.634.019	750.000.000	3.848.000.000	12.565.634.019	12.565.634.019
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum (2)	4.911.634.019	4.911.634.019	750.000.000	2 900 000 000	7.811.634.019	7.811.634.019
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội (3)	3.806.000.000	3.806.000.000		948 000 000	4.754.000.000	4.754.000.000
+ Vay cá nhân (4)	750.000.000	750.000.000	750 000 000		-	-
Cộng	20.122.122.019	20.122.122.019	16.413.660.360	18.604.385.157	22.312.846.816	22.312.846.816

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2022/666331/HĐTD ngày 01/06/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Kon Tum.

- Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng; bao gồm dư nợ cho vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/666331/HĐTD ngày 01/06/2021
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn duy trì hạn mức : Từ 01/06/2022 đến hết ngày 31/05/2023.
- Thời hạn vay: Theo từng giấy nhận nợ cụ thể; lãi suất vay: theo từng giấy nhận nợ cụ thể.
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các tài sản, hợp đồng cầm cố/thế chấp/ký quỹ bảo gồm nhưng không giới hạn các tài sản sau đây: Hợp đồng thế chấp số: 02/2013/HĐ ngày 25/09/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/2017/666331/HĐBĐ ngày 13/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 02/2017/666331/HĐBĐ ngày 16/01/2017; Hợp đồng thế chấp số 03/2017/HĐBĐ ngày 18/12/2017; Hợp đồng thế chấp số 01/2019/HĐBĐ ngày 28/01/2019 được ký kết giữa công ty CP Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - chi nhánh Kon Tum.
- Số dư khoản vay tại 31/12/2022 là: 5.906.488.000 đồng.

(2): Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/666331/HĐTD ngày 01/12/2015 giữa công ty SX và cung ứng VLXD Kon Tum với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum

- Hạn mức tín dụng: 24 tỷ đồng.
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Gạch Tuynel tại xã Kroong, thành phố Kontum, tỉnh KonTum.
- Thời hạn của hợp đồng: 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Lãi suất cho vay: Năm thứ nhất áp dụng 0%/năm; từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất thỏa thuận, lãi vay bằng lãi suất tiền gửi cá nhân kỳ hạn 13 tháng trả sau +3,5%/năm) thả nổi, điều chỉnh 6 tháng 1 lần.
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng Nhà máy và các bất động sản khác (đang có và sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty CP Sản xuất và Cung ứng vật liệu xây dựng thuộc dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch Tuynel tại xã KROONG, TP Kon tum, tỉnh Kon Tum.
- Số dư khoản vay đến 31/12/2022 là: 8.711.634.019 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2022 là 3.800.000.000 đồng.

(3): Hợp đồng cho vay số 55878.20.011.8162990.TD ngày 30/10/2020 giữa Công ty CP SX và Cung ứng VLXD Kon Tum với Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình

- Số tiền cho vay: 6.650.000.000 VNĐ
- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần dài hạn
- Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ dự án điện mặt trời mái nhà công suất dưới 1mW của khách hàng tại thôn 2, xã Kroong, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum
- Thời hạn cho vay: tối đa 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất: được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện được kí kết giữa bên vay và Công ty điện lực địa phương, Hệ thống máy móc thiết bị điện mặt trời mái nhà.
- Số dư khoản vay đến 31/12/2022 là: 4.754.000.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2022 là: 948.000.000 đồng.

(4) Đây là khoản vay Bà Nguyễn Thị Thu Hà theo hợp đồng vay số 01/2022/HĐVCRC-LTN ngày 11/11/2021: Số tiền vay là 750.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 18 tháng, lãi suất 2%/năm.

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.099.027.570	634.758.824	221.665.120	-	2.512.121.274
Thuế Thu nhập cá nhân	33.168.216	-	-	-	33.168.216	-
Thuế Tài nguyên	59.134.500	-	176.893.500	117.759.000	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	2.608.000	2.608.000	-	-
Các loại thuế khác	14.396.800	-	15.347.300	15.347.300	14.396.800	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.295.000	-	-	-	9.295.000
Tổng cộng	106.699.516	2.108.322.570	829.607.624	357.379.420	47.565.016	2.521.416.274

Quyết toán thuế của đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	33.000.000.000			8.176.805.535	41.176.805.535
- Tăng vốn trong năm trước					-
- Lãi trong năm trước				6.841.949.733	6.841.949.733
Số cuối năm trước	33.000.000.000	-	-	15.018.755.268	48.018.755.268
Số dư đầu năm nay	33.000.000.000			15.018.755.268	48.018.755.268
- Tăng vốn trong năm	33.000.000.000				33.000.000.000
- Lãi trong năm				2.135.584.233	2.135.584.233
- Tăng khác					-
- Trích lập các quỹ					-
- Giảm khác					-
- Lỗ trong năm nay					-
- Cổ tức					-
- Phân phối lợi nhuận					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	66.000.000.000	-	-	17.154.339.501	83.154.339.501

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VNĐ	Tỷ lệ %	Số đầu năm VNĐ	Tỷ lệ %
Bà Bùi Minh Hằng	5.060.000.000	7,67%	2.530.000.000	7,67%
Ông Phạm Văn Lộc	3.630.000.000	5,50%	3.300.000.000	10,00%
Ông Trần Đình Quyết	8.000.000.000	12,12%	4.000.000.000	12,12%
Cổ đông khác	49.310.000.000	74,71%	23.170.000.000	70,21%
Cộng	66.000.000.000	100,00%	33.000.000.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	33.000.000.000	33.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	33.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	66.000.000.000	33.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.600.000	3.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.600.000	3.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.600.000</i>	<i>3.300.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.600.000	3.300.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.600.000</i>	<i>3.300.000</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	101.883.468.653	33.409.323.636
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.287.673.850	1.069.994.492
- Doanh thu hoạt động xây lắp công trình	4.956.481.481	36.212.000.000
Cộng	108.127.623.984	70.691.318.128

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	97.424.103.314	24.518.304.861
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	442.436.436	442.436.436
- Giá vốn hoạt động xây lắp công trình	4.907.407.409	33.746.527.090
Cộng	102.773.947.159	58.707.268.387

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY
DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	41.007.743	318.188.106
Cộng	41.007.743	318.188.106

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	1.976.331.617	2.381.336.433
Cộng	1.976.331.617	2.381.336.433

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu		
- Chi phí nhân công	263.313.506	542.365.431
- Chi phí khấu hao		
- Thuế, phí, lệ phí	190.693.800	129.364.552
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.398.277	38.969.807
- Chi phí khác bằng tiền	96.602.280	97.257.561
Cộng	802.007.863	807.957.351

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tiền bảo hiểm bồi thường	222.334.314	
- Thu nhập khác	500	167
Cộng	222.334.814	167

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản phạt thuế, vi phạm hành chính	69.624.405	110.524.768
- Chi phí phát sinh trong thời gian tạm dừng sản xuất, chi phí điều chỉnh khấu hao khác	-	337.880.883
- Chi phí khác	10.740	-
Cộng	69.635.145	448.405.651

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.770.343.057	8.664.538.579
Các khoản điều chỉnh tăng	69.635.145	448.405.651
- Chi phí không hợp lệ	69.635.145	448.405.651
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.839.978.202	9.112.944.230
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thuế suất hiện hành	567.995.640	1.822.588.846
Thuế TNDN theo Thuế suất hiện hành	567.995.640	1.822.588.846
Chi phí thuế TNDN được giảm (*)		
Chi phí thuế TNDN phát sinh từ hoạt động SXKD chính	567.995.640	1.822.588.846
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	66.763.184	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	634.758.824	1.822.588.846
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.099.027.570	361.331.728
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(221.665.120)	(84.893.004)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	2.512.121.274	2.099.027.570

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.135.584.233	6.841.949.733
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.135.584.233	6.841.949.733
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.305.750	3.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	495,98	2.073,32

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	1.039.045.673	50.229.697.631
- Chi phí nhân công	1.044.351.685	2.188.469.136
- Chi phí khấu hao	2.309.259.204	2.153.690.640
- Thuế, phí, lệ phí	190.693.800	129.364.552
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.430.702.022	371.244.920
- Chi phí khác bằng tiền	255.904.387	339.434.837
Cộng	10.269.956.771	55.411.901.716



28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	761.074.802		1.056.701.786	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.273.830.918	-	919.458.836	-
Đầu tư ngắn hạn	291.255.828	-	260.661.514	-
Cộng	13.326.161.548	-	2.236.822.136	-

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	20.122.122.019	22.312.846.816
Phải trả người bán, phải trả khác	6.590.683.495	15.752.738.691
Chi phí phải trả	119.797.413	109.852.092
Cộng	26.832.602.927	38.175.437.599

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY
DỰNG KON TUM**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	761.074.802			761.074.802
Phải thu khách hàng, phải thu khác	12.273.830.918	-		12.273.830.918
Đầu tư ngắn hạn	291.255.828			291.255.828
Cộng	13.326.161.548	-	-	13.326.161.548

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	1.056.701.786			1.056.701.786
Phải thu khách hàng, phải thu khác	919.458.836	-		919.458.836
Đầu tư ngắn hạn	260.661.514			260.661.514
Cộng	2.236.822.136	-	-	2.236.822.136

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	10.654.488.000	9.467.634.019		20.122.122.019
Phải trả người bán, phải trả khác	6.590.683.495	-		6.590.683.495
Chi phí phải trả	119.797.413	-		119.797.413
Cộng	17.364.968.908	9.467.634.019	-	26.832.602.927

Số đầu năm

Vay và nợ	9.747.212.797	12.565.634.019		22.312.846.816
Phải trả người bán, phải trả khác	15.752.738.691	-		15.752.738.691
Chi phí phải trả	109.852.092	-		109.852.092
Cộng	25.609.803.580	12.565.634.019	-	38.175.437.599

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Khoản tiền gửi tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh KonTum, theo Hợp đồng tiền gửi số 130117/666331/HĐTG số dư: 291.255.828 đồng ; kỳ hạn 12 tháng.

Hợp đồng tiền gửi này đang được dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng.

b. Phân loại lại khoản vay Bà Nguyễn Thị Thu Hà số tiền 750.000.000 VNĐ đơn vị đang theo dõi trên tài khoản phải trả khác về theo dõi trên tài khoản vay. Do vậy, trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ số tiền này không được phản ánh vào chỉ tiêu "Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được".

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Cung cấp dịch vụ	Bán hàng hóa, thành phẩm	Hoạt động xây lắp công trình	Đơn vị tính: VND	
				Tổng	
Doanh thu thuần ra bên ngoài	1.287.673.850	101.883.468.653	4.956.481.481	108.127.623.984	
Chi phí bộ phận	442.436.436	97.424.103.314	4.907.407.409	102.773.947.159	
Kết quả kinh doanh bộ phận	845.237.414	4.459.365.339	49.074.072	5.353.676.825	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				802.007.863	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.551.668.962	
Doanh thu hoạt động tài chính				41.007.743	
Chi phí tài chính				1.976.331.617	
Thu nhập khác				223.633.114	
Chi phí khác				69.635.145	
Thuế TNDN hiện hành				634.758.824	
Lợi nhuận sau thuế				2.135.584.233	

32. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Phạm Văn Lộc	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Văn Công	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
Ông Lê Quang Thạch	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Bùi Minh Hằng	Cố đồng lớn
Ông Trần Đình Quyết	Cố đồng lớn
Ông Nguyễn Quang Huy	Kế toán trưởng

**CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY
DỰNG KON TUM**

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b. Giao dịch với bên liên quan

	Năm nay VND
Góp vốn	
Ông Phạm Văn Lộc	330.000.000
Ông Hoàng Văn Công	10.000.000
Ông Lê Quang Thạch	1.000.000
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	10.000.000
Bà Bùi Minh Hằng	2.530.000.000
Ông Trần Đình Quyết	4.000.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	403.000.000

Thù lao Hội đồng quản trị, ban Giám đốc

	Năm nay VND
Ông Hoàng Văn Công	66.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu



Nguyễn Quang Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy

Kon Tum, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Hoàng Văn Công

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG KON TUM

Thôn 2, xã Kroong, TP. Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Phụ lục số 01**4. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty con	20.900.000.000	-	-	-
- Công ty CP Thương mại Mai Sơn Lâm	20.900.000.000	(*)	-	-
(1)				
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	291.255.828	291.255.828	-	260.661.514
- Tiền gửi có kỳ hạn (2)	291.255.828	291.255.828	260.661.514	260.661.514
Cộng	21.191.255.828	291.255.828	260.661.514	260.661.514

(1) Khoản đầu tư vào CP Thương mại Mai Sơn Lâm với giá trị khoản vốn góp: 20.900.000.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ: 95%.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của Công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(2) Đây là khoản tiền gửi tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh KonTum, theo Hợp đồng tiền gửi số 130117/666331/HĐTG; kỳ hạn 12 tháng. Hợp đồng tiền gửi này đang được thế chấp tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Kon Tum để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.